

THÔNG BÁO DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ CỦA CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm kỳ tháng 04 năm 2026 như sau:

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.136.656.599	4.309.141.220	430.914.122	389.534.691
2	FPT	1.703.507.121	1.370.301.128	137.030.112	113.109.398
3	HDB	5.005.276.323	3.948.662.491	394.866.249	378.977.514
4	HPG	7.675.465.855	4.133.238.362	413.323.836	316.970.182
5	LPB	2.987.282.100	2.785.043.101	278.504.310	273.712.644
6	MBB	8.054.999.909	3.627.971.959	362.797.195	293.719.419
7	MSN	1.445.915.457	816.363.867	81.636.386	66.109.483
8	MWG	1.468.423.529	1.086.192.884	108.619.288	76.654.566
9	SHB	4.593.703.838	3.426.903.063	342.690.306	322.255.064
10	SSB	2.845.000.000	1.379.825.000	137.982.500	135.482.500
11	SSI	2.491.097.752	1.651.348.699	165.134.869	165.134.869
12	STB	1.885.215.716	1.729.496.897	172.949.689	131.008.024
13	TCB	7.086.240.414	3.809.562.846	380.956.284	335.150.952
14	TPB	2.774.046.873	1.451.936.133	145.193.613	117.553.697
15	VHM	4.107.412.004	1.070.802.309	107.080.230	92.940.445
16	VIB	3.404.005.710	2.144.523.597	214.452.359	171.485.864
17	VIC	7.706.031.024	2.428.940.978	242.894.097	236.576.589

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
18	VJC	591.611.334	260.959.759	26.095.975	25.295.975
19	VNM	2.089.955.445	811.738.694	81.173.869	66.506.267
20	VPB	7.933.923.601	4.211.326.647	421.132.664	362.792.540
21	VRE	2.272.318.410	900.974.249	90.097.424	66.791.250